

Số: /QĐ-BGTVT

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

QUYẾT ĐỊNH**Ban hành mức giá dịch vụ điều hành bay đi, đến và mức giá dịch vụ điều hành bay qua vùng thông báo bay do Việt Nam quản lý****BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI**

Căn cứ Luật Hàng không dân dụng Việt Nam ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam ngày 21 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Giá ngày 19 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 56/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 8 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Thông tư số 44/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định cơ chế, chính sách quản lý giá dịch vụ vận chuyển hàng không nội địa và giá dịch vụ chuyên ngành hàng không;

Trên cơ sở kết quả thẩm định phương án giá của Cục Hàng không Việt Nam tại văn bản số 4566/CHK-TC ngày 9 tháng 9 năm 2024;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Vận tải,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành mức giá dịch vụ điều hành bay đi, đến như sau:

1. Đối với chuyến bay quốc tế

Trọng tải cất cánh tối đa (MTOW)	Mức giá (USD/lượt hạ cánh hoặc cất cánh)	
	Cự ly điều hành dưới 250 km	Cự ly điều hành từ 250 km trở lên
Dưới 20 tấn	80	100
Từ 20 đến dưới 50 tấn	125	150

Từ 50 đến dưới 100 tấn	210	255
Từ 100 đến dưới 150 tấn	260	320
Từ 150 đến dưới 190 tấn	310	390
Từ 190 đến dưới 240 tấn	345	425
Từ 240 đến dưới 300 tấn	380	460
Từ 300 tấn trở lên	425	520

2. Đối với chuyến bay nội địa

Trọng tải cất cánh tối đa (MTOW)	Mức giá (VND/chuyến bay)	
	Cự ly điều hành dưới 500 km	Cự ly điều hành từ 500 km trở lên
Dưới 20 tấn	586.500	851.000
Từ 20 đến dưới 50 tấn	920.000	1.265.000
Từ 50 đến dưới 100 tấn	1.552.500	3.473.000
Từ 100 đến dưới 150 tấn	2.587.500	4.945.000
Từ 150 đến dưới 190 tấn	3.519.000	6.463.000
Từ 190 đến dưới 240 tấn	3.806.500	7.820.000
Từ 240 đến dưới 300 tấn	4.197.500	8.464.000
Từ 300 tấn trở lên	5.784.500	9.568.000

Điều 2. Ban hành mức giá dịch vụ điều hành bay qua vùng thông báo bay do Việt Nam quản lý như sau:

1. Đối với chuyến bay thường lệ bay qua vùng thông báo bay do Việt Nam quản lý

Trọng tải cất cánh tối đa (MTOW)	Mức giá (USD/chuyến)	
	Cự ly bay qua vùng thông báo bay do Việt Nam quản lý dưới 500 km	Cự ly bay qua vùng thông báo bay do Việt Nam quản lý từ 500 km trở lên
Dưới 20 tấn	115	129
Từ 20 đến dưới 50 tấn	176	197
Từ 50 đến dưới 100 tấn	255	286
Từ 100 đến dưới 150 tấn	330	370
Từ 150 đến dưới 190 tấn	384	431
Từ 190 đến dưới 240 tấn	420	460
Từ 240 đến dưới 300 tấn	450	490

Từ 300 tấn trở lên	480	520
--------------------	-----	-----

2. Đối với chuyến bay thường lệ bay qua vùng trời Việt Nam và vùng thông báo bay do Việt Nam quản lý

Trọng tải cất cánh tối đa (MTOW)	Mức giá (USD/chuyến)	
	Tổng cự ly bay qua vùng trời Việt Nam và vùng thông báo bay do Việt Nam quản lý dưới 500 km	Tổng cự ly bay qua vùng trời Việt Nam và vùng thông báo bay do Việt Nam quản lý từ 500 km trở lên
Dưới 20 tấn	54	61
Từ 20 đến dưới 50 tấn	83	93
Từ 50 đến dưới 100 tấn	121	136
Từ 100 đến dưới 150 tấn	156	175
Từ 150 đến dưới 190 tấn	182	204
Từ 190 đến dưới 240 tấn	199	218
Từ 240 đến dưới 300 tấn	213	232
Từ 300 tấn trở lên	227	246

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2025.

2. Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, cá nhân kinh doanh và sử dụng dịch vụ hàng không chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Bộ: Tài chính, Tư pháp;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Các Thứ trưởng;
- Công TTĐT Bộ GTVT;
- Báo Giao thông, Tạp chí GTVT;
- Lưu: VT, VTài.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Lê Anh Tuấn